



TRUNG TÂM THÔNG TIN TÍN DỤNG QUỐC GIA VIỆT NAM - NHNN VIỆT NAM

Địa chỉ:

Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1800.585891

Email: htkh@creditinfo.org.vn

Fax: (024)33527801

Web: <http://www.cic.org.vn>

Số: S11A

BÁO CÁO CHI TIẾT QUAN HỆ TÍN DỤNG

(Khách hàng thể nhân)

Đơn vị tra cứu:

Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam

Địa chỉ:

Tầng 4, tầng 12A tòa Tây, Tòa nhà LOTTE, Số, 54 Liễu Giai, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội

Người tra cứu:

h01829001lottefinance

Điện thoại:

Mã số phiếu:

S11A.20241016.PROD.263314

Thời gian yêu cầu:

11:43 16-10-2024

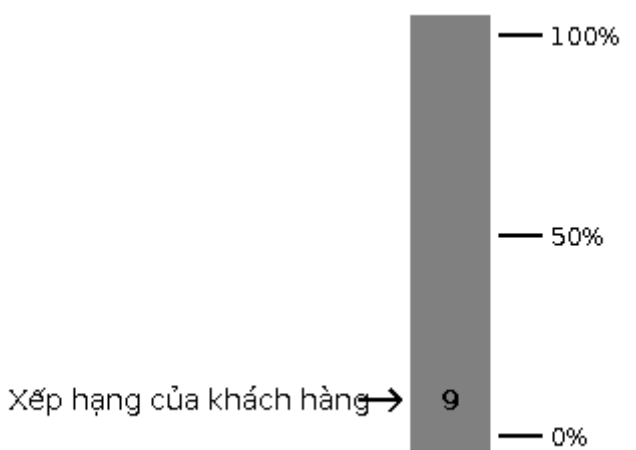
Thời gian gửi báo cáo:

11:43 16-10-2024

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng:	HỨA HÒANG HUY
Mã số CIC:	8931099316
Địa chỉ:	TRƯỜNG THPT TỊNH BIÊN
Số chứng minh nhân dân:	089081021936
Giấy tờ cá nhân khác:	351425943

II. THÔNG TIN ĐIỂM TÍN DỤNG

Điểm tín dụng 492 Hạng 7 Ngày chấm điểm 22-09-2024	ĐÁNH GIÁ ĐIỂM TÍN DỤNG	
	 <p>Xếp hạng của khách hàng → 9</p>	Điểm tín dụng của khách hàng cao hơn điểm tín dụng của 9% tổng số khách hàng cá nhân được chấm điểm tại kho dữ liệu CIC

CHI TIẾT ĐIỂM VÀ HẠNG

	Xấu		Dưới trung bình		Trung bình		Tốt		Rất tốt	
Hạng	10	09	08	07	06	05	04	03	02	01
Điểm	403-429	430-454	455-479	480-544	545-571	572-587	588-605	606-621	622-644	645-706

▲
Điểm hạng của khách hàng

Lưu ý: Điểm tín dụng của khách hàng vay được CIC đánh giá trên toàn bộ dữ liệu quan hệ tín dụng của khách hàng vay (không áp dụng chính sách ẩn nợ xấu nhỏ đã tất toán) tại thời điểm cuối tháng gần nhất so với thời điểm chấm. Điểm tín dụng được CIC chấm cập nhật định kỳ hàng tháng theo biến động thông tin tín dụng của khách hàng vay.

III. THÔNG TIN TỔNG HỢP VỀ DƯ NỢ

A. THÔNG TIN DƯ NỢ HIỆN TẠI

3.1. Chi tiết về nợ vay

Loại dư nợ	Đơn vị tính: triệu đồng, USD	
	VND	USD
1. 89207001-Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh An Giang		

Loại dư nợ	VND	USD
Ngày báo cáo gần nhất : 30-09-2024		
Dư nợ cho vay trung hạn:	42	0
- Dư nợ đủ tiêu chuẩn	42	0
Tổng cộng	42	0

3.2. Thông tin thẻ tín dụng

Hiện tại khách hàng không có thông tin thẻ tín dụng tại các TCTD.

3.3. Dư nợ đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)

Hiện tại, khách hàng không có dư nợ đã bán cho VAMC.

B. THÔNG TIN LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG

3.4. Diễn biến dư nợ 12 tháng gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng ()*

Thời gian	Dư nợ vay	Dư nợ thẻ	Tổng dư nợ
09-2024	42		42
08-2024	46		46
07-2024	49		49
06-2024	53		53
05-2024	56		56
04-2024	60		60
03-2024	61		61
02-2024	75		75
01-2024	79		79

Thời gian	Dư nợ vay	Dư nợ thẻ	Tổng dư nợ
12-2023	84		84
11-2023	100		100
10-2023	103		103

Ghi chú: (*) : Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh
 (-) : Thiếu kỳ báo cáo số liệu

3.5. Lịch sử nợ xấu tín dụng trong 05 năm gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng, USD (*)

STT	Tên tổ chức/ chi nhánh tổ chức tín dụng	Ngày phát sinh cuối cùng	Nhóm nợ	Số tiền	
				VND	USD
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh xã Tịnh Biên An Giang				
			Nhóm 03	30	0
			Nhóm 04	3	0
2	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC				
			Nhóm 03	2	0
			Nhóm 04	1	0
3	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực				
			Nhóm 03	1	0
4	Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam				
			Nhóm 04	6	0
5	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt				
				13	0

3.6. Lịch sử chậm thanh toán thẻ tín dụng trong 03 năm gần nhất

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Khách hàng có chậm thanh toán thẻ	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Số ngày chậm thanh toán thẻ lớn nhất	67
3	Số lần chậm thanh toán thẻ	5

3.7. Nợ cần chú ý trong vòng 12 tháng gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng (*)

Tháng	Tổng nợ cần chú ý	Tên TCTD	Ngày báo cáo
04-2024	5	Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	30-04-2024
03-2024	6	Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	31-03-2024
02-2024	8	Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	29-02-2024
01-2024	9	Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	31-01-2024

(*)Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh

IV. MỘT SỐ THÔNG TIN TỔNG HỢP KHÁC

4.1. Thông tin về bảo đảm tiền vay

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Bảo đảm tiền vay bằng tài sản	Không có

4.2. Thông tin về hợp đồng tín dụng

STT	Hợp đồng tín dụng	Tên TCTD	Ngày ký hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng
1	6600000716525690	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh An Giang	09-11-2019	10-11-2024

4.3. Danh sách TCTD tra cứu thông tin về khách hàng (trong 1 năm gần nhất)

STT	Tên tổ chức/ chi nhánh tổ chức tín dụng	Mã TCTD	Sản phẩm tra cứu	Ngày tra cứu
1	QTDND Nhà Bàng	89902009	QHTD	14:03:40 30-05-2024
2	Tổ chức tài chính vi mô TNHH MTV cho người lao động nghèo tự tạo việc làm	79914001	QHTD	14:00:15 16-08-2024
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	01204001	QHTD	15:45:36 25-09-2024
4	Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam	01829001	QHTD	11:43:01 16-10-2024

V. THÔNG TIN KHÁC VỀ KHÁCH HÀNG VAY

KẾT THÚC BÁO CÁO

Ghi chú: Báo cáo được tạo lập theo yêu cầu của khách hàng, đề nghị sử dụng thông tin đúng mục đích, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật hiện hành.

Copy right by LOTTE Finance